

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2017/HSST
Ngày 16 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đường Tăng và ông Trần Đường Tăng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn H (tức T), sinh ngày 14/12/1985; sinh trú quán: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Thiều Thị P, sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 03/8/2016 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị Công an huyện Vĩnh Tường xử phạt hành chính 1.500.000đ, hiện chưa nộp phạt. Ngày 22/12/2016 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị Công an huyện Vĩnh Tường xử phạt hành chính 1.500.000đ hiện chưa nộp phạt; tiền sử: Tại bản án số 42/2010/HSPT ngày 27/7/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn H 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Đến ngày 31/8/2013 H chấp hành xong hành phạt tù (được đặc xá) và đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến nay,(có mặt).

Người bị hại:

Anh Cao Vĩnh H, sinh năm 1985; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc,(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cao Duy D, sinh năm 1973; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc,(Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1978; trú tại: Khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

3. Anh Lê Hồng K, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

4. Anh Kim Thanh Đ, sinh năm 1985; trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

5. Ông Hoàng Minh Q, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

6. Ông Lê Văn L, sinh năm 1980; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

7. Anh Lê Ngọc L, sinh năm 1986; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

8. Chị Đặng Thị P; trú tại: Khu 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

9. Chị Cao Thị Thùy D, sinh năm 1997; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

10. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1964; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn H là người làm thuê cho anh Cao Vĩnh H ở cùng xã (hiện anh H đang ở thành phố P, tỉnh Hà Nam). Ngày 24/11/2016, anh H gửi chiếc xe mô tô BKS: 88K4 I 7349 cùng giấy đăng ký và chìa khóa xe từ thành phố P, tỉnh Hà Nam về nhà mình tại xã T, huyện V qua xe khách. Sau đó, anh H gọi điện cho H để nhờ H đi ra ngã ba Vĩnh Tường lấy hộ xe đem về nhà cho bà Đoàn Thị T (mẹ anh H) trú tại xã T, huyện V. H đồng ý. Khi nhận được xe mô tô trên, H hỏi anh H cho H mượn xe để làm phương tiện đi lại, khi nào cần thì H sẽ đem trả. Do có quen biết và H đang làm cho anh H nên anh H đồng ý. Đến ngày 25/12/2016 do không có tiền tiêu sài cá nhân nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 88K4 - 7349 của anh H. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đến nhà anh Cao Duy D ở cùng xã để bán. H nói với anh D “Em có chiếc xe máy bán cho anh”. Anh D hỏi H nguồn gốc xe thì H bảo “Xe em mới mua của anh H” rồi đưa giấy đăng ký xe mô tô cho anh D xem. Anh D đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng, H đồng ý và giao xe, đăng ký xe cho anh D, anh D yêu cầu H viết giấy bán xe mô tô BKS 88K4 - 7349 nhưng ghi giá bán xe trong giấy là 6.500.000 đồng mục đích để sau bán lại xe được giá. Sau khi viết giấy bán xe thì anh D trả cho H 5.000.000 đồng nhưng do trước đó H nợ tiền

chơi điện tử và thẻ game của nhà anh D là 3.300.000 đồng, nên anh D trả cho H 1.700.000 đồng, số tiền trên H tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua được xe mô tô trên, anh D sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Ngày 27/12/2016 anh D đi làm tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày trên đường đi làm về đến thôn D, xã T, huyện V thì xe máy bị hỏng nên anh D đã vào quán sửa xe của anh Nguyễn Mạnh C để sửa. Tại đây, anh D nói bán chiếc xe cho anh C với giá 6.200.000 đồng, anh C đồng ý mua rồi lấy xe mô tô của nhà mình chở anh D về nhà lấy đăng ký xe và giấy tờ mua bán. Anh D lấy giấy mua bán xe với H và nhờ chị Cao Thị Thùy D (con gái) viết thêm vào giấy bán xe với nội dung “Hôm nay, ngày 27/12 tên tôi là Cao Duy D có bán cho anh Nguyễn Mạnh C 01 chiếc xe nhãn hiệu Taurus biển số 88 K4 - 7349” và ký tên Cao Duy D. Anh C trả số tiền 6.200.000 đồng cho anh D rồi cầm giấy bán xe và đăng ký xe ra về.

Ngày 30/12/2016, anh C bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Lê Hồng K là chủ cửa hàng mua bán xe máy Hiền Kiên với giá 6.500.000đ. Anh K yêu cầu anh C làm giấy tờ mua bán cho anh K đúng quy định thì anh K mới mua. Anh C đồng ý và giữ lại đăng ký xe để đi xin giấy tờ mua bán, anh Kiên trả cho anh C số tiền 6.500.000 đồng. Sau đó, anh C nhờ anh Kim Thanh Đ đi xin xác nhận mua bán xe tại Ủy ban nhân dân xã T, anh Đ đồng ý. Anh C đưa cho anh Đ một tờ giấy mua bán xe do mình tự viết giữa người bán có tên trong đăng ký xe mô tô là Cao Vĩnh H với người mua là Nguyễn Lương B, trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Ngoài ra, anh C còn đưa cho anh Đ 01 giấy trình báo mất hồ sơ tự quản xe mô tô đó và ký tên Cao Vĩnh H. Anh Đ cầm giấy tờ đến ủy ban nhân dân xã T xin xác nhận thì được ông Lê Văn L là Phó Chủ tịch xã T ký xác nhận vào giấy mua bán xe nội dung “Xác nhận ông Cao Vĩnh H có chiếc xe trên đã bán và chữ ký bên là đúng”. Đồng thời ông Lê Ngọc L là Phó trưởng Công an xã T ký xác nhận vào đơn trình báo mất hồ sơ tự quản của Cao Vĩnh H với nội dung: “Công an xã T xác nhận ông Cao Vĩnh H có hộ khẩu thường trú tại xã T là đúng”. Sau khi xin xác nhận xong, anh Đ đưa lại giấy tờ cho anh C, anh C nhận lại rồi chuyển cho anh K. Ngày 18/01/2017 anh K nhờ ông Hoàng Minh Q mang toàn bộ giấy tờ xe đến Đội Cảnh sát giao thông huyện Vĩnh Tường làm thủ tục sang tên di chuyển xe mô tô BKS 88K4 - 7349. Trong quá trình làm thủ tục, ông Q được chị Đặng Thị P cán bộ thuộc Đội cảnh sát giao thông huyện trực tiếp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xe và đã thu giữ BKS 88K4 - 7349 của chiếc xe mô tô này. Ngày 20/01/2017, ông Q đến Công an huyện Vĩnh Tường nhận kết quả thì được chị P trả toàn bộ hồ sơ xe, ông Q đưa hồ sơ xe cho anh K thì được anh K cho 50.000 đồng tiền xăng xe.

Sau nhiều lần anh H gọi điện yêu cầu H trả xe nhưng H không trả nên ngày 13/12/2016 anh H có đơn trình báo Công an huyện Vĩnh Tường đề nghị xử lý hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của H. Sau đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã triệu tập Nguyễn Văn H đến làm

việc, đồng thời thu giữ chiếc xe mô tô Yamaha và giấy tờ xe do anh Nguyễn Mạnh C giao nộp và 01 chiếc BKS 88K4 - 7349 do Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Vĩnh Tường giao nộp.

Ngày 08/3/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường có kết luận định giá tài sản xác định giá trị của chiếc xe mô tô nêu trên là 7.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 63/KSĐT- KT ngày 10/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường luận tội đối với bị cáo H và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Xác nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã trả cho anh Cao Vĩnh H 01 xe mô tô, 01 BKS 88K 4 - 7349, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô số 000373 mang tên Cao Vĩnh Hà là hợp pháp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Ngày 24/11/2016, anh Cao Vĩnh Hà đang ở thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam gửi qua xe khách chiếc xe mô tô BKS 88K4 - 7349, chìa khóa xe và giấy tờ xe về nhà mình tại xã T, huyện V. Anh H có nhờ bị cáo ra ngã ba V lấy xe đem về cho mẹ anh H. Sau khi nhận được xe cùng chìa khóa và giấy đăng ký xe, bị cáo hỏi anh H cho mượn xe này làm phương tiện đi lại, anh H đồng ý. Đến ngày 25/12/2016, do không có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H, bị cáo đã bán chiếc xe này cho anh Cao Duy D với giá 5.000.000 đồng. Sau đó anh H đã nhiều lần gọi điện yêu cầu bị cáo trả chiếc xe mô tô trên nhưng bị cáo không trả nên ngày 13/12/2016 anh H có đơn trình báo Công an. Ngày 08/3/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường định giá xác định chiếc xe mô tô nêu trên trị giá 7.000.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự

Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự qui định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a)...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản ”.

Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo H thấy rằng: về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. về tình tiết tăng nặng: không; về nhân thân: Bị cáo là người đang có hai tiền sự về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tiền sử đã bị Tòa án xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, đang ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với anh Cao Duy D khi mua xe của H không biết xe do H phạm tội mà có, hành vi trên của anh D không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Mạnh C khi mua xe của anh Cao Duy D không biết đây là xe do phạm tội mà có. Mặt khác, anh C tự ý viết giấy mua bán xe, viết đơn trình báo mất hồ sơ tự quản của xe ký tên Cao Vĩnh H để xin xác nhận của ủy ban nhân dân xã T nhằm mục đích làm thủ tục sang tên di chuyển đổi với xe mô tô này. Tuy nhiên sổ giấy tờ này là do cá nhân anh C viết không phải là giấy tờ, tài liệu của Cơ quan, tổ chức nào. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Kim Thanh Đ là người được anh Nguyễn Mạnh C nhờ mang giấy tờ mua bán xe và đơn trình báo mất hồ sơ tự quản đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T xin xác nhận, anh Đ không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Lê Hồng K mua xe không biết đây là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với ông Hoàng Minh Q được anh K nhờ mang hồ sơ đến Đội Cảnh sát giao thông để làm thủ tục sang tên di chuyển xe mà không được chủ sở hữu ủy quyền nhưng khi thực hiện hành vi thì ông Q không biết chiếc xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với chị Đặng Thị Phương cán bộ thuộc đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Vĩnh Tường là người trực tiếp kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ sang tên di chuyển đối với hồ sơ xe mô tô BKS 88K4 - 7349 do ông Hoàng Minh Q mang đến. Khi tiếp nhận hồ sơ đã không kiểm tra, đối chiếu kỹ các giấy tờ có trong hồ sơ xe mô tô với người đến làm thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư 41/2016/TT - BCA ngày 12/10/2016 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe và Khoản 1 Điều 12 TT 15/2014/TT - BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định về đăng ký xe. Tuy nhiên hành vi trên của chị Phương không có mục đích tư lợi nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với ông Lê Văn L là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện V đã chứng thực vào giấy mua bán xe mô tô BKS 88K4 - 7349 nhưng không chứng kiến việc các bên mua bán ký vào văn bản là không đúng quy định. Tuy nhiên, ông L không có động cơ, mục đích vụ lợi chỉ do tin tưởng Kim Thanh Đ là người địa phương nên đã ký xác nhận do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự mà đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xem xét kiểm điểm đối với việc làm trên của ông L là phù hợp pháp luật.

Đối với ông Lê Ngọc L phó trưởng Công an xã T, huyện V đã xác nhận vào đơn trình báo mất hồ sơ tự quản của xe mô tô BKS 88K4 - 7349, ông L cũng không biết đây là chiếc xe do phạm tội mà có. Quá trình điều tra, ông L khai do tin tưởng Đ là người địa phương nên đã ký xác nhận không có mục đích vụ lợi do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự mà đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xem xét kiểm điểm đối với việc làm trên của ông L là phù hợp pháp luật.

Đối với chị Cao Thị Thùy D là người chứng kiến việc mua bán xe giữa bố đẻ mình là anh Cao Duy D và anh Nguyễn Mạnh C, chị D viết thêm vào giấy bán xe theo sự chỉ dẫn của anh D. Chị D không biết đây là chiếc xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Taurus màu sơn đen có số khung RLCS16S209Y108851, số máy 16S2108758 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô số 000373 do Công an huyện Vĩnh Tường cấp ngày 19/01/2010, 01 chiếc BKS 88K 4 - 7349, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Cao Vĩnh H. Do đó Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh H theo quy định. Sau khi nhận lại tài sản anh H không có ý kiến, đề nghị gì.

Đối với 01 Phiếu sang tên di chuyển xe, 01 Giấy khai sang tên di chuyển xe BKS 88K4 - 7349, 01 Thông báo về việc mất hồ sơ tự quản đối với xe mô tô. Số giấy tờ trên do đội Cảnh sát giao thông Công an huyện V cấp để lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy khai đăng ký xe, 01 phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới của xe BKS 88K4 - 7349, quá trình điều tra xác định đây là giấy tờ xác định nguồn gốc hợp pháp của xe do đội Cảnh sát giao thông lưu trữ, quản lý. Cơ quan điều tra đã bàn giao số giấy tờ đến đội Cảnh sát giao thông để đăng ký quản lý xe mô tô theo quy định.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà anh Cao Duy D trả cho H, anh D xin tự khắc phục hậu quả và không yêu cầu H bồi thường.

Quá trình điều tra, anh D đã trả lại cho anh Nguyễn Mạnh C 6.200.000 đồng là tiền anh C trả cho anh D khi mua xe. Anh C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu anh D phải bồi thường thêm. Anh C đã trả lại cho anh Lê Hồng K 6.500.000 đồng là tiền anh K đã trả cho anh C khi mua chiếc xe mô tô BKS 88K4 - 7349. Anh K đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu C phải bồi thường thêm khoản gì khác, số tiền 50.000 đồng anh K đưa cho ông Q mua xăng, anh K khai là tiền của K không liên quan đến việc mua bán xe. Anh K không đề nghị gì về số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 20/7/2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Bình Thuận

